TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày: 27-4-2021
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hiến;
2. Ông Lê Văn Vững;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 523/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Ấp MT A, xã MA, huyện TM, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1948;
Địa chỉ: Khóm 1, TT MA, huyện TM, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa,
bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Vào năm 2018 (không nhớ ngày, tháng), ông có cho bà N vay 02 lần, lần thứ nhất vay số tiền 15.000.000 đồng, lần thứ hai vay số tiền 10.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai

bên cũng thỏa thuận miệng khi nào ông cần thì thông báo cho bà N trước 10 ngày thì bà N sẽ trả lại, khi vay tiền ông nghe bà N nói là vay tiền về lo cho gia đình. Đối với cả 02 lần vay tiền trên bà N đều có làm biên nhận cho ông. Tuy nhiên, từ ngày vay đến trước ngày 25 tháng 6 năm 2019 (âm lịch) thì bà N không có đóng lãi gì cho ông nên ông đến đòi nợ bà N nhiều lần thì bà N có trả cho ông được 3.000.000 đồng thì ngưng không trả thêm khoản tiền nào khác. Đến ngày 25 tháng 6 năm 2019 (âm lịch), hai bên làm giấy nợ lại bà N thống nhất còn nợ ông số tiền 22.000.000 đồng (đồng thời ông đã xé 02 biên nhận trước), đối với toàn bộ chữ viết trong biên nhận trên là của ông, riêng chỉ có chữ ký "Ngọt" là của bà N. Sau đó, bà N không có trả tiền gì cho ông nên vào năm 2020 ông khởi kiện ra Tòa án, tại phòng làm việc của Thẩm phán Thanh Tuấn thì bà N thừa nhận còn nợ của ông số tiền vay vốn là 22.000.000 đồng và chữ ký trong biên nhận ngày ngày 25 tháng 6 năm 2019 (âm lịch) là của bà N. Đồng thời, bà N cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông 1.000.000 đồng. Đối với toàn bộ thỏa thuận trên hai bên chỉ nói miệng không có làm giấy tờ gì, do sợ bà N tốn tiền án phí nên ông mới rút đơn khởi kiện lại. Sau đó, bà N có trả cho ông 02 lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng còn nợ lại 20.000.000 đồng thì đến nay vẫn không thực hiện như cam kết.

Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 1.660.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì ông xin thay đổi yêu cầu là nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà N mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười*:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Tuy nhiên, ở giai đoạn nhận và xử lý đơn khởi kiện, Tòa án nhận đơn khởi kiện vào ngày 18 tháng 9 năm 2020, đến ngày 17 tháng 11 năm 2020 mới ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là đã vi phạm Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ giải quyết 01 phần vụ án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà N trả cho ông M số tiền 20.000.000 đồng.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);

+ Biên nhận mượn tiền ghi ngày ngày 25 tháng 6 năm 2019 (bản chính).

- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22 tháng 01 năm 2021.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:*

- Xác nhận của Công an thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười;
- Biên bản lấy lời khai đương sự và Tờ tường trình.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án thì Thư ký phiên tòa bà Phạm Thị Thi. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Thi bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Nguyễn Thị Bích Vân là Thư ký phiên tòa dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng

xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Ngọt.

[4] Xét yêu cầu khởi hiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông M cho rằng vào năm 2018 (không nhớ ngày, tháng), ông M có cho bà N vay 02 lần, lần thứ nhất vay số tiền 15.000.000 đồng, lần thứ hai vay số tiền 10.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai bên cũng thỏa thuận miệng khi nào ông M cần thì thông báo cho bà N trước 10 ngày thì bà N sẽ trả lại, khi vay tiền ông M nghe bà N nói là vay tiền về lo cho gia đình. Đối với 02 lần vay tiền này thì hai bên đều có làm giấy tay. Sau đó, bà N không có trả lãi gì cho ông M nên ông M nhiều lần đến đòi nợ vốn và lãi thì bà N có trả lại cho ông M số tiền nợ vay vốn là 3.000.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 6 năm 2019 (âm lịch), hai bên làm giấy nợ lại bà Nthống nhất còn nợ ông M số tiền 22.000.000 đồng (Đồng thời, ông M đã xé 02 biên nhận trước). Sau đó, do bà Nkhông trả tiền cho ông M nên ông M khởi kiện ra Tòa án, tại Tòa án bà Ncam kết mỗi tháng trả cho ông M 1.000.000 đồng và bà N đã trả cho ông M được 2.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho ông M.

Xét thấy, lời trình bày trên của ông M là có cơ sở và việc ông M có cho bà N vay tiền là có thật, thể hiện qua "Biên nhận ngày 25 tháng 6 năm 2019" và lời trình bày của Thẩm phán Phạm Thanh Tuấn thể hiện qua "Tờ tường trình ngày 20 tháng 4 năm 2021". Đây là hợp đồng vay có thời hạn, đến nay hợp đồng vay đã quá hạn và phía bà N chưa trả nợ vốn cho ông M là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự. Đối với bà N mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của ông M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Theo đơn khởi kiện thì ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2020 đến ngày 03 tháng 9 năm 2020 là 5 tháng, thành tiền là 1.660.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì ông M xin thay đổi yêu cầu là nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và theo hướng có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn. Đồng thời, khi khởi kiện thì ông M có 02 yêu cầu gồm: Yêu cầu bà Ntrả số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 1.660.000

đồng. Xét hai yêu cầu trên là cùng 01 quan hệ pháp luật là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" và yêu cầu trả tiền lãi gắn liền với yêu cầu chính là trả tiền nợ vay vốn. Như vậy, yêu cầu trả tiền lãi không phải là 01 quan hệ pháp luật khác.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đối với yêu cầu không tính lãi của nguyên đơn là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện chứ không phải là rút 01 phần yêu cầu khởi kiện.

[6] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[7] Xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Riêng đối với kiến nghị ở giai đoạn nhận và xử lý đơn khởi kiện Tòa án nhận đơn khởi kiện vào ngày 18 tháng 9 năm 2020, đến ngày 17 tháng 11 năm 2020 mới ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là đã vi phạm Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy kiến nghị trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận kiến nghị này.

- Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết 01 phần vụ án. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ 01 phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần.

Riêng về phần đề nghị đình chỉ giải quyết 01 phần vụ án đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn. Như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xác định đối với yêu cầu không tính lãi của nguyên đơn là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện chứ không phải là rút 01 phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

[8] Về án phí:

- Ông M không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà N tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm thì bà N không có nộp đơn đề nghị gì gửi cho Tòa án, cũng như Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền nợ vay vốn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông M 542.500 đồng (Năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0006706, ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi

hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Vân).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đào Văn Hiến – Lê Văn Vững	**Nguyễn Minh Phường**